

Số 98 /BC-UBND

Gia Lai, ngày 11 tháng 6 năm 2023

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND  
TỈNH GIA LAI

## BÁO CÁO

Số: 1903 Về tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm,  
ĐẾN Ngày: 12/1/6/2023 nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023

Chuyển:.....

Số và ký hiệu HS: I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN 6 tháng đầu năm 2023.

### 1. Về thu NSNN trên địa bàn (phụ lục 01 kèm theo).

Trong năm 2023, Trung ương giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Gia Lai 5.432 tỷ đồng, tăng 0,3% so với dự toán năm 2022. Dự toán được HĐND tỉnh thông qua là 5.910 tỷ đồng, tăng 1,4% so dự toán năm 2022.

Ước thực hiện thu NSNN 6 tháng đầu năm 2023 là 2.877,9 tỷ đồng, đạt 53% dự toán Trung ương giao, đạt 48,7% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 92,7% so với cùng kỳ. Cụ thể:

#### 1.1. Thu nội địa:

Ước thực hiện 6 tháng đầu năm là 2.859,8 tỷ đồng, đạt 53,1% dự toán Trung ương giao, đạt 50,5% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 7,3% so với cùng kỳ.

#### Một số khoản thu đạt và vượt dự toán HĐND tỉnh giao (11/15 khoản):

(1) Thu từ DNNN Trung ương: Ước thực hiện 445 tỷ đồng, đạt 51,7% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu từ thuế TNDN tăng 22 tỷ đồng (tăng 36%) so với cùng kỳ từ các Công ty thủy điện.

(2) Khoản thu từ DNNN địa phương: Ước thực hiện 26 tỷ đồng, đạt 51,3% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao; giảm 1,9% so cùng kỳ nguyên nhân do số nộp thuế GTGT của Công ty cổ phần xăng dầu PV Oil Miền Trung tại Gia Lai giảm (giảm 3,5 tỷ đồng).

(3) Khoản thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: Ước thực hiện 120 tỷ đồng, đạt 240% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 22,3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu thu từ thuế nhà thầu nước ngoài cung cấp, lắp ráp máy móc thiết bị cho dự án điện gió tiếp tục hoàn thiện phần dỡ dang của năm 2022 chuyển sang (ước nộp 70 tỷ đồng) và các doanh nghiệp kinh doanh nông sản ổn định ước nộp 40 tỷ đồng, tăng 28 tỷ đồng so với cùng kỳ.

(4) Thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh: Ước thực hiện 898 tỷ đồng, đạt 67,9% dự toán Trung ương giao, đạt 67,3% HĐND tỉnh giao, tăng 22,7% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu thuế GTGT tăng từ việc đôn đốc các khoản nợ được gia hạn theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP đã hết thời gian gia hạn và thu nợ các năm trước chuyển sang (ước nộp 120 tỷ đồng); thu từ hộ gia đình và cá nhân kinh doanh ước tăng 33 tỷ đồng so với cùng kỳ (năm 2022 số thu từ hộ kinh doanh, cá nhân thấp do thực hiện bù trừ giảm thuế GTGT,

TNCN cho các cá nhân, hộ kinh doanh theo Nghị quyết số 406/2021/UBTVQH 19/10/2021).

(5) Thu lệ phí trước bạ: Ước thực hiện là 149 tỷ đồng, đạt 56,2% dự toán Trung ương giao, đạt 50,1% dự toán HĐND tỉnh giao; giảm 14,7% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do lệ phí trước bạ từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 19 tỷ đồng, ước giảm 28 tỷ đồng (giảm 59,6%) so với cùng kỳ (19/47 tỷ đồng).

(6) Thuế sử dụng đất nông nghiệp: Ước thực hiện 0,6 tỷ đồng, đạt 60% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, giảm 33,4% so với cùng kỳ chủ yếu từ số nộp tiền sử dụng đất nông nghiệp đối với các công ty có cây lâu năm thu hoạch một lần.

(7) Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện 239 tỷ đồng, đạt 68,3% dự toán Trung ương giao, đạt 65,6 dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 24,8% so với cùng kỳ. Trong đó: (i) Tăng so với dự toán chủ yếu tăng từ thuế TNCN từ tiền lương, tiền công và từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lũy kế ước đạt 136 tỷ đồng, tăng 35 tỷ đồng so với cùng kỳ; (ii) Giảm so với cùng kỳ: Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản lũy kế ước đạt 68 tỷ đồng, giảm 116 tỷ đồng (giảm 63%) so với cùng kỳ).

(8) Thu phí và lệ phí: Ước thực hiện 66 tỷ đồng, đạt 57,4% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, giảm 10,9% so với cùng kỳ. Trong 6 tháng đầu năm thực hiện thu lệ phí môn bài 18 tỷ đồng nên hoàn thành tiến độ dự toán ở mức khá, so với cùng kỳ phí, lệ phí giảm chủ yếu ở khoản thu từ án phí.

(9) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: Ước thực hiện là 41 tỷ đồng, đạt 62,1% dự toán Trung ương giao và HĐND tỉnh giao; giảm 6,6% so với cùng kỳ nguyên nhân chủ yếu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với Giấy phép do UBND cấp tỉnh cấp.

(10) Thu xổ số kiến thiết: Ước thực hiện là 100 tỷ đồng, đạt 76,9% dự toán Trung ương giao và đạt 66,7% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 71,6% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu thuế TNDN tăng 6 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ năm 2022 và quý I/2023 tăng 25 tỷ đồng so với cùng kỳ do hoạt động kinh doanh phục hồi sau dịch Covid-19.

(11) Thu phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế thực hiện: Ước thực hiện 8,3 tỷ đồng, đạt 59,3% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 2% so với cùng kỳ.

(12) Các khoản thu do cơ quan tài chính quản lý: Ước thực hiện là 113 tỷ đồng, đạt 66,1% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 14,8% so với cùng kỳ.

***Bên cạnh đó, còn một số khoản thu chưa đạt dự toán như (04/15 khoản):***

(1) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ước thực hiện 2,8 tỷ đồng, đạt 40% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, giảm 18% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chưa đến kỳ thu thuế hàng năm theo quy định (trước ngày 31/10/2023), trong kỳ giảm chủ yếu từ nguồn thu đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

(2) Thuế bảo vệ môi trường: Ước thực hiện 230 tỷ đồng, đạt 33,3% dự toán Trung ương giao và HĐND tỉnh giao, giảm 35,5% so với cùng kỳ. Nguyên nhân trong năm 2023 triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH và Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giảm mức thu thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn, lũy kế 6 tháng đầu năm ước giảm 270 tỷ đồng.

(3) Thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện là 380 tỷ đồng, đạt 31,7% dự toán Trung ương giao, đạt 28,1% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 32,3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân các dự án giao đất, đấu giá đất có thu tiền sử dụng đất của tỉnh chưa triển khai nên tiền sử dụng đất chưa đảm bảo so với dự toán được giao (dự toán tiền sử dụng đất cấp tỉnh giao 570 tỷ đồng).

(4) Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: Ước thực hiện là 39 tỷ đồng, đạt 39% dự toán Trung ương giao và đạt 27,9% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 31,8% so với cùng kỳ. Nguyên nhân trong năm 2023 thực hiện giảm 30% tiền thuê đất năm 2022 theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023, bù trừ số giảm cho tiền thuê đất kỳ 1/2023 là 22 tỷ đồng và thực hiện gia hạn tiền thuê đất theo Nghị định 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023.

### 1.2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu do cơ quan hải quan quản lý thu.

Ước thực hiện là 18,1 tỷ đồng, đạt 43,1% dự toán Trung ương giao và chỉ đạt 7,2% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 15,3% so cùng kỳ. Số thu thuế chủ yếu tập trung từ nguồn thuế GTGT của mặt hàng cao su nhập khẩu và thuế GTGT của mặt hàng máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư năng lượng điện. Nguồn thu thuế GTGT mặt hàng máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định của các dự án năng lượng điện giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do các dự án đầu tư năng lượng điện lớn trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã đi vào hoàn thiện, việc nhập khẩu máy móc thiết bị giảm, chỉ còn một số dự án quy mô nhỏ nên số thu không nhiều, một số dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư vẫn chưa có kế hoạch nhập khẩu máy móc thiết bị.

1.3. Tình hình ước thực hiện thu ngân sách đến 30/6/2023 của các huyện, thị xã, thành phố (*phụ lục 02 kèm theo*).

- **Kể cả tiền sử dụng đất:** Có 09 đơn vị đạt và vượt dự toán đề ra, gồm: Huyện Kông Chro 67,2%; huyện Phú Thiện 65,3%; huyện Ia Grai 64,7%; huyện Krông Pa 64,6%; huyện Mang Yang 61,7%; huyện Ia Pa 56,8%; Văn phòng Cục thuế 55,7%; huyện Chư Prông 54,8%; huyện Đak Pơ 51,4%.

Có 09 đơn vị chưa đạt tiến độ: Huyện KBang 48,7%; huyện Đak Đoa 48,5%; thị xã Ayun Pa 41%; huyện Chư Păh 40,8%; thành phố Pleiku 39,1%; huyện Chư Puh 32,3%; huyện Chư Sê 31,1%; thị xã An Khê 28,2%; huyện Đức Cơ 25,7%.

Loại trừ số thu tiền sử dụng đất từ các dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư và thu từ các tổ chức kinh tế: Huyện Đak Đoa đạt 57,4%; thành phố Pleiku đạt 56,1%; huyện Chư Puh đạt 44,6%; huyện Đức Cơ đạt 36,3% so với dự toán được giao.

- **Không kể tiền sử dụng đất:** Có 12 đơn vị đạt và vượt dự toán đề ra, gồm: Huyện Krông Pa 61,5%; huyện Chư Păh 60,3%; huyện Kông Chro 59,4%; huyện Ia Grai 58,1%; huyện Mang Yang 56,6%; huyện Chư Prông 56,2%;

huyện IaPa 56,1%; thành phố Pleiku 55,7%; Văn phòng Cục thuế 55,7%; huyện Đức Cơ 55,5%; huyện Phú Thiện 53,2%; huyện Đăk Pơ 53%.

Có 06 đơn vị chưa đạt tiến độ: Huyện Đăk Đoa 49,8%; huyện Chư Pưh 49,2%; huyện KBang 46,5%; thị xã An Khê 46,4%; huyện Chư Sê 43,5%; thị xã AyunPa 40,2%.

**Tình hình nợ thuế:** Theo Báo cáo của Cục Thuế tỉnh, tính đến thời điểm 31/5/2023, tổng nợ thuế toàn ngành 519 tỷ, giảm so với 31/12/2022 là 41,3 tỷ (giảm 7,3%); giảm 16 tỷ đồng so với cùng kỳ 31/5/2022 (giảm 3%), trong đó:

- Nợ khó thu: 30 tỷ đồng, chủ yếu là khoản nợ do cơ quan thuế đã thực hiện cưỡng chế hóa đơn liên tiếp từ 3 lần trở lên đối với người nộp thuế.

- Nợ chờ xử lý: 31 tỷ đồng, đang làm thủ tục miễn giảm tiền thuế đất.

- Nợ có khả năng thu: 458 tỷ đồng, cơ quan thuế đang theo dõi đôn đốc thu nợ, cưỡng chế nợ thuế theo quy định.

Tính đến thời điểm 31/5/2023, toàn tỉnh đã thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế, thu nợ năm 2022 chuyển sang là 238 tỷ đồng.

## **2. Về chi NSDP (phụ lục 01 kèm theo).**

Chi NSDP 6 tháng đầu năm 2023 ước thực hiện 6.656,8 tỷ đồng, bằng 43,3% dự toán Trung ương giao, đạt 42,2% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 14,7% so với cùng kỳ.

**2.1. Các khoản chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn cân đối NSDP:** Ước thực hiện 1.223,1 tỷ đồng, bằng 55% dự toán Trung ương giao, đạt 51% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 14,5% so với cùng kỳ.

### **Công tác quyết toán dự án hoàn thành:**

Đến thời điểm 6 tháng năm 2023, tổng số dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán trên địa bàn tỉnh là 159 dự án, giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán 925,4 tỷ đồng, giá trị quyết toán hoàn thành được phê duyệt 923,8 tỷ đồng, giá trị giảm trừ qua thẩm tra -1,6 tỷ đồng (Trong đó: Sở Tài chính thẩm tra, trình phê duyệt 26 dự án, giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán 714,6 tỷ đồng, giá trị quyết toán hoàn thành được phê duyệt 713,0 tỷ đồng, giá trị giảm trừ qua thẩm tra 1,6 tỷ đồng; các huyện, thị xã, thành phố thẩm tra, phê duyệt 133 dự án, giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán 210,8 tỷ đồng, giá trị quyết toán hoàn thành được phê duyệt 210,8 tỷ đồng, giá trị giảm trừ qua thẩm tra 0,0 tỷ đồng).

**2.2. Chi thường xuyên:** Ước thực hiện 4.392,2 tỷ đồng, đạt 44,8% dự toán Trung ương giao và đạt 44,3% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 9,4% so với cùng kỳ.

Năm 2023 tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngay đầu năm để tạo nguồn cải cách tiền lương ngay từ khâu dự toán và giữ lại phần tiết kiệm ở các cấp ngân sách để bố trí thực hiện cải cách tiền lương, số tiền 294.015 triệu đồng (gồm: Ngân sách cấp tỉnh là 109.657 triệu đồng; ngân sách cấp huyện là 184.358 triệu đồng). Trong 6 tháng đầu năm đã thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách cho các đối tượng thụ hưởng; kinh phí phòng chống thiên tai; bảo đảm kinh phí thực hiện diễn tập khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự cấp tỉnh.

2.3. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia và trung ương bổ sung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ: Ước thực hiện là 1.039,9 tỷ đồng, đạt 33,5% dự toán trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 51,2% so với cùng kỳ. Cụ thể:

2.3.1. Thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia: Ước thực hiện 465,9 tỷ đồng, đạt 31,9% dự toán trung ương và HĐND tỉnh giao, gồm:

- *Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững*: Ước thực hiện 85,6 tỷ đồng, đạt 40,7% dự toán trung ương và HĐND tỉnh giao.

- *Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới*: Ước thực hiện 198,8 tỷ đồng, đạt 54,5% dự toán trung ương và HĐND tỉnh giao.

Một số nội dung chưa có hướng dẫn của Trung ương, cơ quan chủ chương trình lập phương án phân bổ kinh phí, số tiền 26,195 tỷ đồng, gồm: Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh, xây dựng Trung tâm cung ứng nông sản.

- *Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*: Ước thực hiện 181,4 tỷ đồng, đạt 20,5% dự toán trung ương và HĐND tỉnh giao.

Kinh phí Tiểu dự án 1, Dự án 3 Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023, số tiền: 54.967 triệu đồng của, cơ quan chủ chương trình lập phương án phân bổ. Dự án chưa được Trung ương hướng dẫn để triển khai thực hiện như Nội dung thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 10 “*Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và miền núi*”; việc ủy thác nguồn kinh phí sự nghiệp được giao để hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế cho các hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 9.

2.3.2. Chi chương trình mục tiêu nhiệm vụ: Ước thực hiện 574 tỷ đồng, đạt 35% dự toán trung ương và HĐND tỉnh giao.

**Tình hình thực hiện chi NSDP đến 30/6/2023 của các huyện, thị xã, thành phố (phụ lục 03 kèm theo):** Huyện Kông Chro (60%); Huyện Đức Cơ (57,7%); Huyện Ia Pa (57,4%); Huyện Ia Grai (54,5%); Thị xã Ayun Pa (53,8%); Huyện KBang (53,5%); Huyện Đak Đoa (52,4%); Huyện Chư Prông (51,3%); Huyện Chư Păh (51,1%); Huyện Phú Thiện (50,2%); Thành phố Pleiku (49,7%); Huyện Chư Puh (47,9%); Huyện Chư Sê (45,1%); Huyện Đak Pơ (44,8%); Huyện Krông Pa (40%); Huyện Mang Yang (36,9%); Thị xã An Khê (34,9%).

#### **Đánh giá chung:**

Nhờ sự tập trung chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh tiếp tục chủ động thực hiện mục tiêu phục hồi phát triển kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ; kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; thu từ thuế nhà thầu nước ngoài cung cấp, lắp ráp máy móc thiết bị cho dự án



điện gió tiếp tục hoàn thiện phần dờ dang của năm 2022 chuyển sang và các doanh nghiệp kinh doanh nông sản; tập trung đôn đốc các khoản nợ được gia hạn theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP đã hết thời gian gia hạn và thu nợ các năm trước chuyển sang; quyết toán thuế TNCN từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, nền kinh tế tiếp tục chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tiêu dùng chậm; kế hoạch sử dụng đất các địa phương chậm hoàn thành; hoạt động sản xuất, kinh doanh vẫn gặp khó khăn. Kết quả thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2023, thu nội địa loại trừ tiền sử dụng đất từ các dự án cấp tỉnh đạt và vượt tiến độ dự toán. Thu tiền sử dụng đất các dự án cấp tỉnh, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu chưa đạt tiến độ, thu ngân sách giảm so cùng kỳ.

Nhìn chung triển khai dự toán chi cơ bản đảm bảo tiến độ, công tác quản lý, điều hành chi ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi theo dự toán HĐND tỉnh giao. Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách cho các đối tượng thụ hưởng. Đảm bảo kinh phí thực hiện diễn tập khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự cấp tỉnh “GL-23”. Thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí. Bên cạnh kết quả đạt được, các dự án thuộc chương trình phục hồi và phát triển kinh tế chậm triển khai; các chương trình MTQG triển khai còn vướng các quy định, các chủ đầu tư còn chậm trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, chậm trong việc triển khai các thủ tục đầu tư nên tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công thấp.

## **II. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách tỉnh có đến ngày 05/6/2023 (Phụ lục 04 kèm theo):**

Tổng nguồn dự phòng bố trí đầu năm 2023 là 280.369 triệu đồng, gồm: Ngân sách cấp tỉnh là 114.752 triệu đồng; ngân sách cấp huyện là 165.617 triệu đồng.

Nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh 114.752 triệu đồng; số đã có quyết định chi đến ngày 05/6/2023 là 10.941.417.275 đồng. Nguồn dự phòng còn lại là 103.810.582.725 đồng.

## **III. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện dự toán thu, chi NSNN 6 tháng cuối năm 2023.**

### **1. Về thu NSNN trên địa bàn.**

Trên cơ sở số thu thực hiện 6 tháng đầu năm, để bảo đảm nhiệm vụ thu ngân sách cả năm 2023 đạt và vượt dự toán được HĐND tỉnh giao và bảo đảm tỷ lệ tăng thu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2021-2025 từ 9% - 10% trở lên, phấn đấu tổng thu nội địa tăng 10% so với thực hiện năm 2022, đảm bảo cân đối thực hiện các nhiệm vụ chi đã được HĐND quyết định kế hoạch đầu năm cần thực hiện nghiêm Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản của Bộ Tài chính về Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán NSNN và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực

hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán NSNN và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 02/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác thu NSNN năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

### **Một số giải pháp cụ thể như sau:**

#### **1.1. Cục Thuế tỉnh:**

Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự phối hợp cấp ủy, chính quyền địa phương; đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp, người nộp thuế trong ước thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách; thực hiện hiệu quả quy chế phối hợp giữa Cục Thuế tỉnh các sở ngành, UBND cấp huyện trong công tác thu ngân sách trên địa bàn.

Chủ động, tích cực phối hợp với các sở, ngành, các địa phương triển khai kịp thời các giải pháp để khai thác nguồn thu từ các dự án đầu tư mới, các công trình trọng điểm trên địa bàn; tham mưu kịp thời để UBND tỉnh chỉ đạo khẩn trương thực hiện việc giải phóng mặt bằng, hồ sơ thủ tục pháp lý liên quan đến dự án,... để tổ chức thực hiện đấu giá đất, giao đất có thu tiền đất để cơ quan thuế có cơ sở ban hành hành báo, đơn đốc thu tiền đất kịp thời vào ngân sách nhằm khai thác hiệu quả khoản thu từ đất đai.

Thường xuyên phân tích, đánh giá các khoản thu, sắc thuế, từng địa bàn để có giải pháp cụ thể đối với các khoản thu chưa bảo đảm tiến độ so với dự toán được giao; thường xuyên theo dõi, nắm bắt thông tin, các vướng mắc, đề xuất, kiến nghị nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và chỉ đạo kịp thời để hoàn thành nhiệm vụ thu được giao trên từng địa bàn.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp có rủi ro cao về thuế, các doanh nghiệp đang hoạt động nhưng nhiều năm liền không phát sinh doanh thu, không phát sinh thuế phải nộp,...; triển khai các đề án chống thất thu nhằm thực hiện đồng bộ trên các địa bàn và thực hiện thanh kiểm tra chuyên đề theo chỉ đạo của cơ quan chức năng từ trung ương đến địa phương; đơn đốc người nộp thuế nộp kịp thời ngân sách các khoản thuế phải nộp qua kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, kết luận thanh tra thuế, kiểm tra thuế.

Thực hiện quyết liệt công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế; phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương trên địa bàn trong việc thu hồi nợ đọng thuế; giảm tỷ lệ nợ đọng theo chỉ tiêu được giao: *(i)* Thực hiện phân loại nợ đảm bảo theo đúng tính chất của từng khoản nợ theo đúng hướng dẫn tại Quy trình quản lý nợ ban hành kèm theo Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế; *(ii)* Phối hợp với các cơ quan liên quan để thu thập thông tin người nợ thuế làm cơ sở để thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế, hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật hiện hành.

Triển khai thực hiện hiệu quả, chất lượng công tác chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng công tác quản lý thuế của ngành.

1.2. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Thực hiện các giải pháp hiệu quả để cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; theo dõi tiến độ thực hiện, kịp thời đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án đầu tư trọng điểm; tăng cường công tác xúc tiến và hỗ trợ đầu tư. Triển khai các nhiệm vụ và giải pháp thu hút đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo; cung cấp kịp thời cho cơ quan thuế thông tin các dự án đang triển khai hoặc đã hoàn thành.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Rà soát điều chỉnh giá đất phù hợp với thực tế; tập trung giải quyết nhanh nhất các thủ tục về đất đai, xử lý các vướng mắc nhằm nâng cao chất lượng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân, doanh nghiệp; tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan tài nguyên và môi trường với cơ quan thuế các cấp trong công tác quản lý các khoản thu đối với hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh để chống thất thu ngân sách; thực hiện đúng quy định việc gia hạn thời gian hợp đồng thuê đất, thuê mặt nước.

- Phối hợp với cơ quan thuế thu hồi nợ đọng thuế đối với các nhà đầu tư còn nợ tiền thuế trước khi cấp giấy phép đầu tư hoặc chủ trương đầu tư.

- Phân tích, đánh giá nguồn thu, tiến độ thu để đề xuất, tham mưu điều hành ngân sách địa phương; tham mưu ban hành kịp thời các quy định về mức thu đối với các khoản phí, lệ phí, các quy định về giá đất,... thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, UBND tỉnh khi có sự thay đổi về chính sách, mức thu, bảo đảm phù hợp với thực tế.

- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn; phối hợp với cơ quan thuế và các cơ quan liên quan để kiểm soát chặt chẽ về giá cả hàng hóa, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng.

- Quản lý chặt chẽ cấp giấy phép, phù hiệu hoạt động kinh doanh vận tải, phương tiện qua các trạm thu phí BOT, thông tin đăng kiểm của phương tiện kinh doanh vận tải để công tác quản lý thuế chặt chẽ, hiệu quả, chống thất thu trong kinh doanh vận tải.

- Đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia kế hoạch năm 2023 kịp thời, đúng quy định để thu thuế từ lĩnh vực xây dựng; tiếp tục thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp với cơ quan thuế trong việc thu hồi nợ đọng thuế.

- Tăng cường việc kiểm tra thực tế khai báo về giá, xuất xứ, mã số hàng hóa đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

- Làm việc với nhà đầu tư, đơn vị nhập khẩu vận động lập tờ khai, nộp thuế nhập khẩu cho tỉnh Gia Lai đối với máy móc, thiết bị, hàng hóa nhập khẩu của dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý: Việc cấp biên số kinh doanh vận tải (biên số vàng) để cơ quan thuế quản lý thu thuế; tăng cường công tác quản lý thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông; việc dán tem cột bơm tại các



cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn; triển khai các quy định về thuế liên quan đến các trường học, bệnh viện trực thuộc sở.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố: Tập trung tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2023; chỉ đạo các phòng, ban chức năng, UBND xã, phường, thị trấn phối hợp chặt chẽ với Chi cục Thuế thực hiện các giải pháp quản lý thu, chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế; cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, góp phần tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách; xác định tài sản trên đất để quản lý thuế khi tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đất đai; yêu cầu các đơn vị tham gia đấu thầu các dự án thực hiện xác nhận nợ thuế trước khi tham gia đấu giá, đấu thầu để cơ quan thuế thu hồi nợ đọng thuế.

## **2. Về công tác quản lý chi NSDP.**

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư phát triển, đối với các công trình, dự án bố trí từ nguồn sử dụng đất thực hiện giải ngân theo tiến độ; đôn đốc quyết toán dự án hoàn thành:

+ Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn; cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gắn kết quả giải ngân với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

+ Giải ngân vốn ngân sách nhà nước năm 2023 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các nghị định hướng dẫn thi hành luật; chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh về tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 và định kỳ hằng tháng, quý, cả năm báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023, các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hiện trường, đôn đốc các nhà thầu, tư vấn đẩy nhanh tiến độ. Yêu cầu ban quản lý dự án, nhà thầu có tiến độ tổng thể, chi tiết, ký cam kết về tiến độ hoàn thành dự án; kiên quyết cắt Hợp đồng với các nhà thầu không đảm bảo tiến độ, chất lượng. Phân công cụ thể trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện; bám sát, kịp thời, tháo gỡ khó khăn và chịu trách nhiệm về kết quả giải ngân của từng dự án.

+ Tập trung giải quyết công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư kịp thời, đúng quy định cho người dân, bảo đảm đúng pháp luật và hài hòa lợi ích của Nhà nước và người dân. Tăng cường quản lý hiệu lực, hiệu quả đất đai, hạn chế tối đa việc điều chỉnh phương án đền bù, bảo đảm tiến độ thực hiện; có chế tài xử lý nghiêm khắc theo quy định pháp luật các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

+ Kiên quyết rà soát, điều chỉnh ngay kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước từ dự án giải ngân chậm, dự án đang vướng về thủ tục sang dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn theo thẩm quyền được giao theo đúng quy định.

- Thực hiện quản lý các khoản chi đúng chế độ, định mức quy định, thực

hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra chặt chẽ các khoản chi từ NSNN, đảm bảo triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách.

- Thực hiện rà soát các khoản kinh phí tiết kiệm được trong quá trình thực hiện do không chi hết dự kiến từ nay đến cuối năm 2023 tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét xử lý.

- Kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng NSNN nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quyết toán, và kiểm tra, xét duyệt và thẩm tra quyết toán và tổng quyết toán NSDP năm 2022 theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm toán NSDP năm 2022, các kiểm toán chuyên đề.

- Tăng cường trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước trong công tác kiểm soát chi thanh toán đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước.

Trên đây là những nội dung cơ bản về kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023, UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 13./.

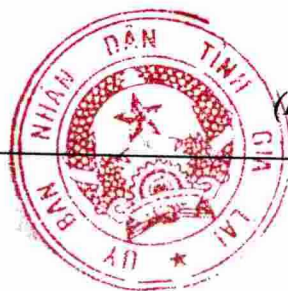
Nơi nhận: Hà.

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh Khóa XII;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH và ĐT, Tài chính;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Quế**



**BÁO CÁO**  
**BIỂU TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**  
 (Kèm theo Báo cáo số 98 /BC-UBND ngày 11 /6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

ĐVT: Triệu đồng.

Nội dung	Dự toán BTCgiao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Lũy kế Thực hiện đến 30/6/2022	Ước thực hiện đến 30/6/2023	(% thực hiện)		
					So với dự toán BTC giao	So với dự toán HĐND tỉnh giao	So cùng kỳ năm trước
	1	2	3	6	7=6/1	8=6/2	9=6/3
<b>A. Tổng các khoản thu cân đối NSNN</b>	<b>5.432.000</b>	<b>5.910.000</b>	<b>3.105.002</b>	<b>2.877.900</b>	<b>53,0%</b>	<b>48,7%</b>	<b>92,7%</b>
<b>I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước</b>	<b>5.390.000</b>	<b>5.660.000</b>	<b>3.083.631</b>	<b>2.859.800</b>	<b>53,1%</b>	<b>50,5%</b>	<b>92,7%</b>
<i>Thu nội địa loại trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại</i>	<b>4.060.000</b>	<b>4.160.000</b>	<b>2.461.953</b>	<b>2.378.500</b>	<b>58,6%</b>	<b>57,2%</b>	<b>96,6%</b>
<b>1. Cục thuế quản lý thu</b>	<b>5.219.000</b>	<b>5.489.000</b>	<b>2.951.049</b>	<b>2.746.800</b>	<b>52,6%</b>	<b>50,0%</b>	<b>93,1%</b>
1.1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương	860.000	860.000	435.205	445.000	51,7%	51,7%	102,3%
1.2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	49.000	49.000	26.515	26.000	53,1%	53,1%	98,1%
1.3. Thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	50.000	50.000	98.119	120.000	240,0%	240,0%	122,3%
1.4. Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	1.322.000	1.335.000	731.703	898.000	67,9%	67,3%	122,7%
1.5. Lệ phí trước bạ	265.000	297.400	174.604	149.000	56,2%	50,1%	85,3%
1.6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1.000	1.000	901	600	60,0%	60,0%	66,6%
1.7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.000	7.000	3.417	2.800	40,0%	40,0%	82,0%
1.8. Thuế thu nhập cá nhân	350.000	364.600	317.714	239.000	68,3%	65,6%	75,2%
1.9. Thuế Bảo vệ môi trường	690.000	690.000	356.863	230.000	33,3%	33,3%	64,5%
1.10. Thu phí và lệ phí	115.000	115.000	74.036	66.000	57,4%	57,4%	89,1%
1.11. Tiền sử dụng đất	1.200.000	1.350.000	561.571	380.000	31,7%	28,1%	67,7%
1.12. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	100.000	140.000	57.170	39.000	39,0%	27,9%	68,2%
1.13. Thu tiền bán và cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			763	800			104,8%
1.14. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	66.000	66.000	43.895	41.000	62,1%	62,1%	93,4%
1.15. Thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, tiền bán bớt phần vốn của NN			1.820	1.300			71,4%
1.16. Thu Xổ số kiến thiết	130.000	150.000	58.287	100.000	76,9%	66,7%	171,6%
1.17. Thu phạt VPHC do cơ quan thuế thực hiện	14.000	14.000	8.467	8.300	59,3%	59,3%	98,0%
<b>2. Các khoản thu khác do cơ quan tài chính quản lý</b>	<b>171.000</b>	<b>171.000</b>	<b>132.581</b>	<b>113.000</b>	<b>66,1%</b>	<b>66,1%</b>	<b>85,2%</b>
2.1. Thu từ quỹ đất công ích và thu lợi công sản khác	3.000	3.000	1.102	1.109	37,0%	37,0%	100,7%
2.2. Thu phạt VPHC trong lĩnh vực ATGT	37.000	44.000	26.566	37.696	101,9%	85,7%	141,9%
2.3. Thu biện pháp tài chính khác	131.000	124.000	104.914	74.195	56,6%	59,8%	70,7%
<b>II. Thuế XK, NK, TTĐB, VAT hàng nhập khẩu Hải quan thu.</b>	<b>42.000</b>	<b>250.000</b>	<b>21.371</b>	<b>18.100</b>	<b>43,1%</b>	<b>7,2%</b>	<b>84,7%</b>
<b>B. Chi ngân sách địa phương</b>	<b>15.379.010</b>	<b>15.758.032</b>	<b>5.803.374</b>	<b>6.656.840</b>	<b>43,3%</b>	<b>42,2%</b>	<b>114,7%</b>

Nội dung	Dự toán BTCgiao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Lũy kế Thực hiện đến 30/6/2022	Ước thực hiện đến 30/6/2023	(% ) thực hiện		
					So với dự toán BTC giao	So với dự toán HĐND tỉnh giao	So cùng kỳ năm trước
	1	2	3	6	7=6/1	8=6/2	9=6/3
1. Chi đầu tư phát triển	2.222.503	2.395.903	1.068.558	1.223.099	55,0%	51,0%	114,5%
2. Chi thường xuyên	9.810.146	9.907.036	4.016.580	4.392.284	44,8%	44,3%	109,4%
3. Chi bổ sung Quỹ dự trữ Tài chính	1.400	1.400	1.400	1.400	100,0%	100,0%	100,0%
4. Chi thực hiện chính sách cải cách tiền lương		70.000					
5. Chi từ nguồn dự phòng ngân sách	245.123	280.369					
6. Chi trả nợ lãi vay		3.486	91	101		2,9%	111,0%
8. Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu nhiệm vụ	3.099.838	3.099.838	687.600	1.039.956	33,5%	33,5%	151,2%
+ Vốn đầu tư	2.238.690	2.238.690	636.827	782.610	35,0%	35,0%	122,9%
+ Vốn sự nghiệp	861.148	861.148	50.773	257.347	29,9%	29,9%	506,9%



**ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN ĐẾN NGÀY 30/6/2023 CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**  
(Kèm theo Báo cáo số 98 /BC-UBND ngày 11/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)



ĐVT: Triệu đồng

S T T	Huyện, thị xã, thành phố	Dự toán UBND tỉnh giao năm 2023				Ước thực hiện đến ngày 30/6/2023								% Thực hiện so với dự toán					
		Dự toán giao (kể cả tiền sử dụng đất)	Dự toán giao (không kể tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế	Gồm			Tổng thu NSNN (kể cả tiền sử dụng đất)	Tổng thu NSNN (không kể tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế	Gồm		% so với dự toán năm (kể cả tiền sử dụng đất)	% so với dự toán năm (không kể tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế (kể cả tiền sử dụng đất)	Thuế (không kể tiền sử dụng đất)
						Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế còn lại	Thu tiền sử dụng đất					Các khoản thuế còn lại						
A	B	1=2+3	1a=2+5	2	3=4+5	4	5	6=7+8	6a=7+10	7	8=9+10	9	10	11=6/1	11a=6a/1a	12=7/2	13=8/3	14=10/5	
1	Chư Sê	122.840	72.840	2.840	120.000	50.000	70.000	38.172	31.672	4.095	34.077	6.500	27.577	31,1%	43,5%	144,2%	28,4%	39,4%	
2	Chư Păh	54.490	29.490	1.890	52.600	25.000	27.600	22.210	17.770	3.052	19.158	4.440	14.718	40,8%	60,3%	161,5%	36,4%	53,3%	
3	Phú Thiện	28.450	25.450	2.950	25.500	3.000	22.500	18.587	13.535	2.129	16.457	5.052	11.406	65,3%	53,2%	72,2%	64,5%	50,7%	
4	Ia Grai	90.070	57.070	4.070	86.000	33.000	53.000	58.282	33.182	1.584	56.698	25.100	31.598	64,7%	58,1%	38,9%	65,9%	59,6%	
5	Mang Yang	32.570	24.570	2.570	30.000	8.000	22.000	20.111	13.900	2.648	17.463	6.211	11.252	61,7%	56,6%	103,0%	58,2%	51,1%	
6	KBang	57.030	50.030	3.030	54.000	7.000	47.000	27.750	23.250	2.250	25.500	4.500	21.000	48,7%	46,5%	74,3%	47,2%	44,7%	
7	An Khê	195.720	75.720	5.720	190.000	120.000	70.000	55.150	35.150	3.150	52.000	20.000	32.000	28,2%	46,4%	55,1%	27,4%	45,7%	
8	Krông Pa	39.840	28.340	3.940	35.900	11.500	24.400	25.739	17.439	3.000	22.739	8.300	14.439	64,6%	61,5%	76,1%	63,3%	59,2%	
9	IaPa	19.730	17.130	2.130	17.600	2.600	15.000	11.215	9.615	1.615	9.600	1.600	8.000	56,8%	56,1%	75,8%	54,5%	53,3%	
10	Đak Pơ	39.450	30.950	2.550	36.900	8.500	28.400	20.258	16.406	1.309	18.949	3.852	15.097	51,4%	53,0%	51,3%	51,4%	53,2%	
11	Đức Cơ	121.880	42.880	2.880	119.000	79.000	40.000	31.300	23.800	1.800	29.500	7.500	22.000	25,7%	55,5%	62,5%	24,8%	55,0%	
12	Đak Đoa	84.860	59.860	3.560	81.300	25.000	56.300	41.120	29.800	2.740	38.380	11.320	27.060	48,5%	49,8%	77,0%	47,2%	48,1%	
13	AyunPa	126.680	119.180	3.180	123.500	7.500	116.000	51.882	47.935	2.322	49.560	3.947	45.613	41,0%	40,2%	73,0%	40,1%	39,3%	
14	Chư Prông	64.840	49.840	2.840	62.000	15.000	47.000	35.500	28.000	1.500	34.000	7.500	26.500	54,8%	56,2%	52,8%	54,8%	56,4%	
15	Chư Pưh	66.790	37.790	2.590	64.200	29.000	35.200	21.600	18.600	2.450	19.150	3.000	16.150	32,3%	49,2%	94,6%	29,8%	45,9%	
16	Pleiku	1.547.960	624.560	14.560	1.533.400	923.400	610.000	605.860	348.166	10.719	595.141	257.694	337.447	39,1%	55,7%	73,6%	38,8%	55,3%	
17	Kông Chro	25.630	23.130	3.830	21.800	2.500	19.300	17.228	13.744	2.246	14.982	3.484	11.498	67,2%	59,4%	58,6%	68,7%	59,6%	
18	Tỉnh thu trên địa	3.191.170	3.191.170	105.870	3.085.300	0	3.085.300	1.775.936	1.775.936	64.391	1.711.546		1.711.546	55,7%	55,7%		55,5%	55,5%	
	T.đó: XNK	250.000	250.000		250.000		250.000	18.100	18.100	-	18.100		18.100	7,2%	7,2%			7,2%	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.910.000</b>	<b>4.560.000</b>	<b>171.000</b>	<b>5.739.000</b>	<b>1.350.000</b>	<b>4.389.000</b>	<b>2.877.900</b>	<b>2.497.900</b>	<b>113.000</b>	<b>2.764.900</b>	<b>380.000</b>	<b>2.384.900</b>						

**TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**  
**ĐẾN NGÀY 30/6/2023**  
*(Kèm theo Báo cáo số 8 /BC-UBND ngày 1 /6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

ĐVT: Triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Dự toán UBND tỉnh giao năm 2023						Ước thực hiện đến ngày 30/6/2023						% Thực hiện/Dự toán
		Tổng chi NS huyện - xã	Gồm					Tổng chi NS huyện- xã	Gồm					
			Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Trong đó		Dự phòng ngân sách		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (1)	Trong đó			
A	B	1=2+3+6	2	3	SN GD - ĐT và DN (2)	SN KHCN	6	7=8+9+	8	9	SN GD - ĐT và DN (2)	SN KHCN	SNMT	12=8/1
1	Chư Sê	559.907	75.583	471.067	247.734	500	11.193	252.620	37.879	214.741	99.888			45,1%
2	Chư Păh	432.555	45.639	377.483	182.472	400	8.632	221.106	22.546	198.560	84.458			51,1%
3	Phú Thiện	355.874	22.395	325.745	181.227	400	7.099	178.544	14.478	164.066	84.435			50,2%
4	Ia Grai	514.400	54.463	448.173	233.962	400	10.254	280.470	71.020	209.450	110.000	100		54,5%
5	Mang Yang	381.718	29.288	344.187	195.633	400	7.630	140.794	28.283	112.511	63.917			36,9%
6	KBang	421.534	29.526	382.186	214.513	400	8.427	225.460	76.000	149.460	82.700			53,5%
7	An Khê	451.067	131.074	308.902	143.163	500	9.018	157.564	29.943	127.621	59.514	100		34,9%
8	Krông Pa	494.085	36.761	446.754	248.106	400	9.875	197.844	17.092	180.752	107.355			40,0%
9	IaPa	320.958	23.936	290.218	151.661	400	6.414	184.254	37.374	146.880	79.185	78		57,4%
10	Đak Pơ	274.441	23.887	244.216	108.746	400	5.485	122.997	25.490	97.507	48.136	70		44,8%
11	Đức Cơ	477.579	63.654	403.208	212.704	400	9.505	275.500	40.000	235.500	106.000			57,7%
12	Đak Đoa	517.247	35.617	469.644	242.751	400	10.338	270.933	59.032	211.901	106.249		36	52,4%
13	AyunPa	251.653	29.827	216.067	87.939	500	5.029	135.492	25.302	110.190	45.500			53,8%
14	Chư Prông	595.458	41.869	540.369	282.680	400	11.826	305.650	20.150	285.500	140.000	70		51,3%
15	Chư Puh	371.494	30.353	332.841	169.106	400	7.420	177.802	25.646	152.156	72.520			47,9%
16	Pleiku	1.497.511	535.428	914.904	392.923	600	29.946	744.137	272.108	472.029	193.680			49,7%
17	Kông Chro	376.488	27.700	340.701	187.050	400	7.526	225.952	51.792	174.160	85.097	175		60,0%
<b>Tổng cộng</b>		<b>8.293.969</b>	<b>1.237.000</b>	<b>6.856.665</b>	<b>3.482.370</b>	<b>7.300</b>	<b>165.617</b>	<b>4.097.120</b>	<b>854.135</b>	<b>3.242.986</b>	<b>1.568.634</b>	<b>593</b>	<b>36</b>	

**Ghi chú:**

- (1) Chi thường xuyên (kể cả bổ sung có mục tiêu) đã bao gồm nguồn dự phòng ngân sách  
(2) Chi Sự nghiệp Giáo dục, Đào tạo và Dạy nghề (kể cả bổ sung có mục tiêu)



## TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 98 /BC-UBND ngày 1 /6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nội dung	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú	
				Số quyết định	Ngày
<b>A</b>	<b>Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2023</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2023</b>		<b>114.752.000.000</b>		
<b>II</b>	<b>Số kinh phí đã có quyết định phân bổ</b>		<b>10.941.417.275</b>		
1.1	Tạm cấp kinh phí để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra trong 8 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh (80% phân ngân sách TW chưa cấp - mượn nguồn tỉnh cấp trước)	Các huyện, thị xã	2.126.184.000	36/QĐ-UBND	31/1/23
1.2	Tạm cấp kinh phí để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra trong 8 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh (80% phân ngân sách địa phương đảm bảo)		425.236.000		
1.8	Tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp,....	Sở Nội vụ	221.700.000	64/QĐ-UBND	13/2/23
1.9	Hỗ trợ kinh phí cho đội tuyển tham gia Hội thi Nhà nông đua tài nhân dịp Lễ hội cá phê Buôn Ma Thuột lần thứ 8 năm 2023	Hội nông dân	25.000.000	99/QĐ-UBND	3/3/23
1.10	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 10 năm công trình Quảng trường Đại Đoàn Kết khánh thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	188.600.000	100/QĐ-UBND	6/3/23
1.11	Phối hợp với BLL đồng đội Tỉnh đội Gia Lai tổ chức gặp mặt cán bộ, chiến sỹ tình đội Gia Lai và cán bộ dân chính cùng tham gia chiến đấu tại Gia Lai những năm kháng chiến chống Mỹ	Bộ CH Quân sự tỉnh	50.000.000	109/QĐ-UBND	14/3/23
1.12	Sửa chữa 02 thang máy tại Trụ sở Liên cơ quan	Sở Xây dựng	189.300.000	119/QĐ-UBND	21/3/23
1.13	Tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc quán triệt NQ Hội nghị lần thứ 6	Ban đại diện Hội người cao tuổi	22.000.000	121/QĐ-UBND	21/3/23
1.14	Kinh phí diễn tập phòng thủ cấp tỉnh	Công an tỉnh	1.067.520.000	162/QĐ-UBND	26/4/23
1.15		Bộ CH Quân sự tỉnh	2.547.397.775		
1.16		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	2.950.744.500		
1.17	Tổ chức cho đoàn cán bộ của tỉnh đi thăm huyện đảo Trường Sa, Nhà giàn DK1	Văn phòng Tỉnh ủy	650.000.000	210/QĐ-UBND	5/5/23
1.18	Tổ chức Lễ tưởng niệm 230 năm ngày Giỗ Hoàng đế Quang Trung và Lễ trao bằng xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt Tây Sơn Thượng đạo	UBND thị xã An Khê	111.900.000	211/QĐ-UBND	5/5/23
1.19	Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 13/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	43.000.000	222/QĐ-UBND	9/5/23
1.20	Làm lồng kính phục vụ Lễ truy điệu và an táng hài cốt liệt sỹ tại Nghĩa trang liệt sỹ Đức Cơ	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	66.000.000	241/QĐ-UBND	17/5/23
1.21	Tham dự diễn đàn "Kết nối công nghệ - khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo Việt Nam - Lào năm 2023"	Sở Khoa học và Công nghệ	136.035.000	272/QĐ-UBND	27/8/23
1.22	Đưa đoàn Đại biểu đi tham dự Chương trình biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến là người có uy tín toàn quốc năm 2023	Ban Dân tộc	120.800.000	292/QĐ-UBND	5/6/23
<b>III</b>	<b>Nguồn dự phòng còn lại đến 05/06/2023</b>		<b>103.810.582.725</b>		